TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 03/2023/KDTM-ST
Ngày: 22-9-2023
"V/v: Tranh chấp hợp đồng kinh tế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Biền Ngân và ông Phạm Thanh Đông

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Phương Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 09/2022/TLST-KDTM, ngày 06 tháng 12 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng kinh tế", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng N; địa chỉ: thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hữu M - Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Quý T - Kế toán trưởng; địa chỉ: thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (văn bản ủy quyền ngày 10/10/2022). Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần xây dựng H; địa chỉ: Khối 7, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình H - Giám đốc; địa chỉ: Khối 7, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/10/2022, bản tự khai, biên bản phiên họp và hòa giải, cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 25/11/2019, tại Công ty CP SXVL Xây dựng N (gọi tắt là Công ty N), Công ty Cổ phần xây dựng H (gọi tắt là Công ty H) và Công ty CP SXVL Xây dựng N đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 25.11/HĐKT/2019 về việc mua bán bê tông thương phẩm, theo đó, Công ty N có trách nhiệm cung ứng bê tông thương phẩm cho Công ty H theo như Hợp đồng kinh tế mà hai bên đã ký kết.

Thực hiện Hợp đồng, Công ty N đã hoàn tất bàn giao toàn bộ bê tông thương phẩm cho Công ty H như yêu cầu đặt hàng theo đúng cam kết tại Hợp đồng. Theo mục 3.2 Điều 3 Hợp đồng quy định: "3.2 Thời hạn thanh toán: 50% giá trị bê tông cung cấp cho mỗi VT móng được bên A thanh toán ngay sau khi đổ bê tông xong vị trí đó. 50% giá trị bê tông còn lại của mỗi VT móng được thanh toán khi bên B cấp các hồ sơ sau: Kết quả thí nghiệm bê tông đạt Mac theo yêu cầu; Giấy đề nghị thanh toán; Hoá đơn VAT; Bản tổng hợp khối lượng, giá trị bê tông hoàn thành".

Tuy nhiên, đã quá thời hạn thanh toán theo Hợp đồng nhưng Công ty H vẫn chưa thanh toán cho Công ty N với tổng số tiền gốc là 120.550.000 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/10/2021. Công ty N đã yêu cầu Công ty H thanh toán tiền nợ, gửi văn bản yêu cầu thanh toán tiền cung cấp bê tông thương phẩm như: Thư đòi nợ lần 1 ngày 08/12/2021, Thư đòi nợ lần 2 ngày 20/04/2022 nhưng Công ty H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Vì vậy, Công ty CP SXVL Xây dựng N, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Cổ phần xây dựng H thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ (gốc) theo Hợp đồng kinh tế là 120.550.000 đồng. Thanh toán số tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 31/10/2021 đến ngày đề đơn khởi kiện 14/10/2022 (tức 11 tháng) theo lãi suất quá hạn do pháp luật quy định là: 120.550.000 x 0,83% x 11 = 11.006.215 đồng. Tổng cộng 131.556.215 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Công ty H đã thanh toán số tiền nợ là 70.000.000 đồng vào ngày 21/7/2023. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn Công ty N đề nghị phía bị đơn Công ty H phải trả số tiền nợ gốc còn lại là 50.550.000 đồng và không yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền chậm trả.

Tại biên bản lấy lời khai, đại diện bị đơn ông Nguyễn Đình H trình bày: Giữa Công ty CP SXVL Xây dựng N (Công ty N) và Công ty Cổ phần xây dựng H (Công ty H) đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 25.11/HĐKT/2019 về việc mua bán bê tông thương phẩm, theo đó, Công ty H mua của Công ty N các loại hàng hóa

theo đúng thỏa thuận được ghi trong Hợp đồng mà Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An đã cho ông Hùng xem (Bản photo mà Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình gửi kèm theo Quyết định Uỷ thác cho Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An).

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty N đã cung cấp đúng các loại hàng hóa, Công ty H đã nhận hàng theo đúng Hợp đồng. Tính đến thời điểm Công ty N khởi kiện thì Công ty H còn số tiền hàng chưa trả là 120.550.000 đồng. Tuy nhiên, do Công ty N có sự thay đổi nhân sự lãnh đạo nên họ không thật sự thiện chí với Công ty H. Phía bị đơn đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp các chứng cứ tài liệu nhưng họ không cung cấp nên mới xảy ra tranh chấp. Nay Công ty N khởi kiện Công ty H phải trả số tiền nợ gốc là 120.550.000 đồng và số tiền lãi chậm thanh toán là 11.006.215 (=120.550.000 x 0,83% x 11 tháng) đồng; tổng cộng 131.556.215 đồng, thì đại diện phía bị đơn trình bày: Ngày 21/7/2023, Công ty H đã chuyển khoản trả cho Công ty N số tiền là 70.000.000 đồng, hiện vẫn còn 50.550.000 đồng tiền gốc chưa trả. Công ty H đồng ý và cam kết sẽ trả hết 50.550.000 đồng cho Công ty N trong tháng 8/2023. Còn Công ty H không đồng ý trả số tiền lãi chậm thanh toán 11.006.215 đồng như yêu cầu của Công ty N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đại diện nguyên đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng. Bị đơn không chấp hành đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định. Đại diện bị đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp và phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 430, 440 của Bộ luật Dân sự; Điều 297 Luật Thương mại; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng N về việc "Tranh chấp Hợp đồng kinh tế" đối với bị đơn Công ty Cổ phần xây dựng H. Buộc Công ty Cổ phần xây dựng H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng N tổng số tiền nợ là 50.550.000 đồng. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút của nguyên đơn Công ty Cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng N về khoản nợ đã trả và khoản tiền lãi. Buộc Công ty Cổ phần xây dựng H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách nhà nước. Công ty Cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Giữa Công ty Cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng N với Công ty Cổ phần xây dựng H đã ký kết Hợp đồng kinh tế về việc mua bán bê tông thương phẩm, do Công ty Cổ phần xây dựng H vi phạm nghĩa vụ hợp đồng nên Công ty Cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng N khởi kiện tại Tòa án đòi số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh. Theo Hợp đồng kinh tế các bên thống nhất cam kết, khi xảy ra tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền tại Quảng Bình để giải quyết và hợp đồng được thực hiện tại Quảng Bình. Vì vậy, xác định đây là tranh chấp kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Đình H có ý kiến đề nghị xét xử, giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt đại diện bị đơn ông Nguyễn Đình H.

[2] Về nội dung tranh chấp, yêu cầu của đương sự:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Công ty CP SXVL Xây dựng N với Công ty Cổ phần xây dựng H đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 25.11/HĐKT/2019, ngày 25/11/2019, về việc mua bán bê tông thương phẩm, theo đó, Công ty CP SXVL Xây dựng N có trách nhiệm cung ứng bê tông thương phẩm cho Công ty Cổ phần xây dựng H theo như Hợp đồng kinh tế mà hai bên đã ký kết. Điều này đã được các bên thừa nhận.

Thực hiện Hợp đồng, Công ty N đã hoàn tất bàn giao toàn bộ bê tông thương phẩm do Công ty H yêu cầu đặt hàng theo đúng cam kết. Theo mục 3.2 Điều 3 Hợp đồng quy định: 3.2 Thời hạn thanh toán: 50% giá trị bê tông cung cấp cho mỗi VT móng được bên A thanh toán ngay sau khi đổ bê tông xong vị trí đó. 50% giá trị bê tông còn lại của mỗi VT móng được thanh toán khi bên B cấp các hồ sơ sau: Kết quả thí nghiệm bê tông đạt Mac theo yêu cầu; Giấy đề nghị thanh toán; Hoá đơn VAT; Bản tổng hợp khối lượng, giá trị bê tông hoàn thành.

Tuy nhiên, đã quá thời hạn thanh toán theo Hợp đồng nhưng Công ty H vẫn chưa thanh toán cho Công ty N với tổng số tiền là 120.550.000 đồng. Đã không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng ký kết, đã vi phạm cam kết, vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty H đã thanh toán cho Công ty N số tiền là 70.000.000 đồng vào ngày 21/7/2023, số tiền còn lại vẫn chưa

trả hết. Do vậy, Công ty N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty H phải có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền nợ là hoàn toàn phù hợp, có cơ sở.

[2.2] Đối với ý kiến, đề nghị của đại diện bị đơn ông Nguyễn Đình H: Ông Hùng thừa nhận, giữa Công ty N và Công ty H có ký kết Hợp đồng kinh tế số 25.11/HĐKT/2019, ngày 25/11/2019, quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty N đã cung cấp đúng các loại hàng hóa, Công ty H đã nhận hàng theo đúng Hợp đồng. Tính đến thời điểm Công ty N khởi kiện thì Công ty H còn nợ số tiền hàng chưa trả là 120.550.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 21/7/2023, Công ty H đã chuyển khoản trả cho Công ty N số tiền là 70.000.000 đồng và hiện vẫn còn nợ 50.550.000 đồng. Công ty H đồng ý và cam kết sẽ trả hết số tiền 50.550.000 đồng cho Công ty N trong tháng 8/2023. Còn đối với số tiền lãi chậm thanh toán 11.006.215 đồng thì Công ty H không đồng ý trả cho Công ty N. Ông Hùng thừa nhận Hợp đồng, khoản nợ và mặc dù đề nghị thanh toán khoản nợ cho Công ty N trong tháng 8/2023, tuy nhiên đã không có phương án, biện pháp thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty N.

[2.3] Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về khoản tiền nợ đã trả và khoản tiền lãi, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án thì phía Công ty H đã thanh toán cho Công ty N số tiền là 70.000.000 đồng nên Công ty N rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền đã trả. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn Công ty N không yêu cầu Công ty H phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty N là hoàn toàn phù hợp, việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện nên chấp nhận, vì vậy Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút.

[3] Xét quan điểm, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty CP SXVL Xây dựng N, buộc bị đơn Công ty Cổ phần xây dựng H phải có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền nợ là hoàn toàn có căn cứ, được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị đơn Công ty Cổ phần xây dựng H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, 117, 401, 430, 440 của Bộ luật Dân sự; Điều 50, 297 Luật Thương mại; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng N về việc "Tranh chấp Hợp đồng kinh tế" đối với bị đơn Công ty Cổ phần xây dựng H.

Buộc Công ty Cổ phần xây dựng H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng N tổng số tiền nợ là 50.550.000 đồng.

"Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự".

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút của nguyên đơn Công ty Cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng N về khoản nợ đã trả và khoản tiền lãi.

3. Về án phí:

3.1. Buộc Công ty Cổ phần xây dựng H phải chịu 3.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách nhà nước.

3.2. Công ty Cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.289.000 đồng theo biên lai thu số 0002213 ngày 01/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, báo cho bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15

ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Võ Ngọc Thực